

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2024/HNGĐ - ST**

Ngày: 16-01-2024

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hà

2. Bà Dương Thị Được

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/12/2023, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 02/TB-TA ngày 04/01/2024; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Đức T, sinh năm: 1974; địa chỉ: khu phố T, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1978; địa chỉ: Tổ 10, khu phố T, thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà, nguyên đơn bà Trần Thị Đức T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Mạnh H sống chung với nhau từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thạnh (nay là thị trấn Đất Đỏ), huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu, ông bà sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến gia đình; ông bà bất đồng ý kiến về mọi mặt nên thường xuyên gây gổ, cãi vã, cuộc sống chung rất áp lực, mệt mỏi và không thể hàn gắn. Bà T và ông H đã ly thân từ tháng 10 năm 2023 đến nay, mạnh

ai nấy sống và không ai còn quan tâm gì đến nhau. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn H Hiệp, sinh năm 2005 - đã thành niên, nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Mạnh H trình bày:

Ông H thống nhất với lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân cũng như thời gian chung sống vợ chồng, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Ông bà sống chung với nhau từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thạnh (nay là thị trấn Đất Đỏ), huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông phát sinh rất nhiều mâu thuẫn nhỏ nhất mà cụ thể là ông H có nhậu nhẹt, nhưng vẫn quan tâm đến vợ con. Vợ chồng thi thoảng có cãi vã chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng để dẫn đến việc ly hôn. Ông H thừa nhận là khi ông H uống rượu say thì có đến chỗ bà T buôn bán để tìm vợ nói chuyện, và gây chuyện với bà T ở chỗ làm và ở nhà, chỉ khi uống rượu bia ông H mới gây chuyện với bà T chứ lúc bình thường ông H rất thương vợ.

Việc bà T yêu cầu ly hôn, ông H không đồng ý vì hiện nay tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Ông bà chung sống có 01 con chung tên Nguyễn H Hiệp, sinh năm 2005 đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu của bà Trần Thị Đức T xin ly hôn với ông Nguyễn Mạnh H là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà T được ly hôn với ông H; Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn H Hiệp, sinh năm 2005 đã thành niên, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn pH chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị Đức T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Mạnh H, bị đơn đang cư trú tại huyện Đất Đỏ, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Đức T và ông Nguyễn Mạnh H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 126, quyển số 01 năm 2005 của Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh (nay là thị trấn Đất Đỏ), nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà T thì trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do ông H thường xuyên nhậu nhẹt về nhà quậy phá, không chăm lo cho gia đình nên dẫn đến bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Bà T đã nhiều lần làm đơn và có ý định ly hôn nhưng suy nghĩ vì con mà bà chịu đựng, nay bà không thể chấp nhận cuộc sống hôn nhân với ông H và kiên quyết xin ly hôn. Mâu thuẫn này cũng được ông H thừa nhận nhưng ông không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng giữa bà T và ông H đều không có ý định hàn gắn. Tại phiên tòa, bà T kiên quyết xin ly hôn, ông H không đồng ý vì cho rằng còn tình cảm với vợ con nhưng ông chưa tìm được giải pháp để hàn gắn tình cảm. Từ đó xác định bà T, ông H đều không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung là Nguyễn H Hiệp, sinh năm 2005 đã thành niên, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Đức T được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh H.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Đức T và ông Nguyễn Mạnh H có Nguyễn H Hiệp, sinh năm 2005 đã thành niên, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Đức T pH nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000022 ngày 22/11/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THA DS huyện Đất Đỏ;
- UBND thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

TRẦN THỊ MỸ DUNG

